**TOÀ ÁN NHÂN DÂN**
**HUYỆN QUỐC OAI**
**THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 50/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25- 4 -2023
Vv: Tranh chấp Ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỐC OAI – THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Kiều Văn Thành.

*Các Hội thẩm nhân dân*: Ông Nguyễn Công Chiến và ông Nguyễn Văn Viên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Huyền Lê - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quốc Oai tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Cúc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25/ 4/2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quốc Oai, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 159 /2022/TLST-HNGĐ ngày 20/ 10/2022 về việc Tranh chấp Ly hôn; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07/ 4/2023. Giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Chị Linh Thị Huyền T, sinh ngày 27/11/1988.

HKTT và chỗ ở: Số nhà 075, tổ 4, phường S, Thành phố C, Tỉnh Cao Bằng.

**Bị đơn:** Anh Nguyễn Quốc B, sinh ngày 20/8/1984.

HKTT và chỗ ở: Thôn Đ, xã Đ, huyện Q, Thành phố Hà Nội.

Chị T và anh B có đơn xin xét xử vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn ngày 19/ 5/2022, lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn là chị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Linh Thị Huyền T và anh Nguyễn Quốc B tìm hiểu tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND phường S, thành phố C ngày 04/6/2013. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống bình thường đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do quan điểm, tính tình không hợp dẫn đến tình cảm vợ chồng và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó đề nghị tòa cho chị T được ly hôn với anh B.

Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 03/10/2013 hiện đang ở với anh B. Khi ly hôn, chị T đồng ý để anh B tiếp tục nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Không có, nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị T xin chịu án phí.

Do công việc bận chị T có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải và xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

*Bị đơn anh B trình bày:* Anh B và chị Linh Thị Huyền T tìm hiểu tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND phường S, thành phố C ngày 04/6/2013. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống bình thường, quá trình chung sống hai vợ chồng không hiểu hết tính cách của nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay chị T có đơn xin ly hôn anh B đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh B và chị T có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 03/10/2013 hiện đang ở với anh B. Khi ly hôn anh B yêu cầu tiếp tục nuôi con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, công sức, công nợ: Anh B khẳng định không có, nên yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh B cũng đồng ý không yêu cầu Tòa án tiến hành hòa giải và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu: Về tố tụng đại diện viện kiểm sát thấy ra sau khi thụ lý hồ sơ vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các bước tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chấp hành đã chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn không chấp hành các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, cố tình không hợp tác làm việc với Tòa án gây khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án; Tại phiên tòa nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử mặt theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1

Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ. Về tố tụng: Thẩm phán tiến hành vụ án đã vi phạm thời hạn xét xử theo quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Nguyên đơn yêu cầu là có cơ sở chấp nhận. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 56,81,82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận cho chị T được ly hôn anh B; Về con chung giao cho anh B tiếp tực nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành. Về cấp dưỡng nuôi con anh B không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung, nên đề nghị Hội đồng xét xử tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T; Về tài sản chung, công sức, công nợ chung chị T và anh B khẳng định không có và không có yêu cầu giải quyết; Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật; các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý quan hệ Tranh chấp phát sinh là tranh chấp Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền theo lãnh thổ, Toà án nhân dân huyện Q, Thành phố Hà Nội thụ lý giải quyết nơi bị đơn cư trú ở xã Đại Thành, huyện Q, thành phố hà Nội là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1, Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Sau khi thụ lý vụ án Toà án đã tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, các văn bản tố tụng cho nguyên đơn, bị đơn; thông báo mở phiên họp, công khai chứng cứ và hoà giải đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn xin được ly hôn.

- Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy: Theo các tài liệu chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án và trình bày của nguyên đơn có đủ căn cứ xác định:

-*Về hôn nhân*: Chị Linh Thị Huyền T và anh Nguyễn Quốc B tìm hiểu tự nguyện, cưới có đăng ký kết hôn tại UBND phường S, Thành phố C, tỉnh C ngày 04/6/2013. Sau khi kết hôn thời gian đầu vợ chồng sống bình thường đến năm 2014 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do quan điểm sống không phù hợp, hay bất đồng quan điểm dẫn đến tình cảm vợ chồng và từ đó đến nay vợ chồng sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, quá trình thu thập chứng cứ anh B đồng ý ly hôn. Do đó căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 chấp nhận đơn xin ly hôn của chị T. Chị Linh Thị Huyền T được ly hôn anh Nguyễn Quốc B.

Về con chung: Chị T và anh B có 01 con chung là cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 03/10/2013 hiện đang ở với anh B. Khi ly hôn anh B đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét yêu cầu nuôi con của anh B thì thấy: Chị T và anh B có 01 con chung hiện đang ở vơi anh B. Để đảm bảo quyền lợi của vợ, chồng và theo nguyện vọng của cháu Anh khi ly hôn cháu Anh xin được ở với bố B và phù hợp với ý kiến của chị T sau ly hôn giao con cho anh B nuôi dưỡng và quy định tại Điều 58, 69, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của anh B. Giao cho anh B tiếp tục được nuôi dưỡng con đến khi trưởng thành hoặc đến khi có thay đổi khác.

Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, con chung không ai được cản trở.

+*Về cấp dưỡng nuôi con*. Anh B không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T cho đến khi có Quyết định khác.

[3] -*Về tài sản chung, công sức, công nợ:* Chị T và anh B khẳng định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Buộc chị T phải nộp án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng;

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

## QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điểm a, khoản 1, Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 1 Điều 147; Khoản 1 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; 58, 69, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Linh Thị Huyền T. Chị Linh Thị Huyền T được ly hôn anh Nguyễn Quốc B.

1.1 - Về con chung: Anh Nguyễn Quốc B tiếp tục được trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hải A, sinh ngày 03/10/2013 đến khi ch trưởng thành ( đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có Quyết định khác.

Chị T có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom, con chung không ai được cản trở.

1.2-*Về cấp dưỡng nuôi con*. Anh B không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị T cho đến khi có Quyết định khác.

2- Về tài sản chung, công sức, công nợ: Chị T và anh B khẳng định không có nên không yêu cầu giải quyết.

3 -Về án phí: Chị Linh Thị Huyền T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị T đã nộp đủ theo B lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0000396 ngày 20/ 10 /2022 nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q.

4 - Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

***Nơi nhận:***
- TAND TP. Hà Nội;
- VKS huyện Quốc Oai;
- Chi cục THADS huyện Quốc Oai;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Kiều Văn Thành**